

Số: /KH-UBND

Hạ Hoà, ngày tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Hạ Hoà

Thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 3038/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hoà xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

- Giai đoạn 2016 - 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,85% năm 2015 xuống còn 7,41% năm 2020 bình quân mỗi năm giảm 1% theo tiêu chí cũ.

- Giải quyết việc làm mới tăng thêm giai đoạn 2016 - 2020: 7.985 lao động; trong đó: Xuất khẩu lao động 1.106 người; Giải quyết việc làm: 1.500 người/năm (việc làm mới tăng thêm từ 1000 người/năm trở lên); XKLD: 250 người/năm).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (hết năm 2020) đạt 60%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp và tương đương trở lên: 27%

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Kết quả công tác truyền thông về giải quyết việc làm, giảm nghèo:

Công tác truyền thông về giải quyết việc làm, giảm nghèo được thực hiện tích cực. Các ngành, địa phương đã có sự phối hợp với các cơ quan tuyên truyền, có nhiều sáng tạo về hình thức và phương pháp tuyên truyền sâu rộng, kịp thời và hiệu quả như: Tuyên truyền qua các hội nghị, các lớp tập huấn, phát hành tờ rơi, kẻ vẽ pano, áp phích, khẩu hiệu...; qua đó, đã tạo ra sự chuyển biến về nhận thức, phát huy việc tham gia tích cực của các ngành, các cấp và nhân dân đối với công tác giảm nghèo. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện có hiệu quả, dưới nhiều hình thức đa dạng. Riêng đối với các xã, khu dân cư vùng đặc biệt khó khăn, ngoài việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chung, UBND huyện chỉ đạo phòng Tư pháp thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động cho người nghèo, người có công với cách mạng.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, tạo điều kiện giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động:

Đến hết năm 2020, tốc độ tăng giá trị tăng thêm bình quân (theo giá so sánh năm 2010) đạt: 7,28%; năm 2020 đạt 7,5% (mục tiêu Nghị quyết Đại hội: 5,5% trở lên).

Giá trị tăng thêm bình quân đầu người năm 2020 đạt 29,5 triệu đồng/người/năm; (mục tiêu đến năm 2020 đạt 28,5 triệu đồng/người/năm).

Cơ cấu giá trị tăng thêm (theo giá thực tế), tính đến hết tháng 12/2020: Nông, lâm nghiệp: 42,9%; Công nghiệp - TTCN- XD: 20%; Thương mại- Dịch vụ- Du lịch: 41,0%.

Tổng số vốn đầu tư XDCB từ chương trình 135 (tính đến tháng 12/2020): 49.482 tỷ đồng, với 248 công trình XDCB (trong đó công trình khởi công mới: 56 công trình; du tu bảo dưỡng: 30 công trình và 162 công trình do xã làm chủ đầu tư).

Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135; hỗ trợ con giống, cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị máy móc, tập huấn nghiệp vụ chuyển giao công nghệ... cho 9.379 lượt hộ, người lao động; tổng số vốn: 12.562,55 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 12.062 triệu đồng, dân đóng góp: 500,55 triệu đồng). Triển khai thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (nuôi bò sinh sản) trong 5 năm trên địa bàn 8 xã Vô Tranh, Lệnh Khanh, Chính Công, Bằng Giã; Đại Phạm; Hà Lương; Vĩnh Chân; Yên Luật, tổng kinh phí Dự án 1.700 triệu đồng, đầu tư mua 105 con bò sinh sản hỗ trợ cho 105 hộ nghèo trên địa bàn 8 xã chăn nuôi, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) được đầu tư và đi vào hoạt động, góp phần tích cực vào công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo cán bộ, công chức cấp xã; kết quả cụ thể:

Hàng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dành một phần kinh phí trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để triển khai các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 của Thủ tướng Chính phủ. Trong 5 năm (2016-2020), UBND huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn, Trung tâm GDNN - GDTX phối hợp với UBND các xã, thị trấn mở 50 lớp nghề sơ cấp cho lao động nông thôn, với 1.850 học viên;

Thông qua chương trình phối hợp với các Trung tâm, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, trong 5 năm qua toàn huyện đã mở thêm 25 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn với 760 học viên tham gia.

Tổng kinh phí đào tạo: 2.987,9 triệu đồng; trong đó, kinh phí theo chỉ tiêu đào tạo thường xuyên (hệ A): 1.170 triệu đồng; kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1.817,9 triệu đồng.

Việc dạy nghề cho lao động nông thôn đã trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ thuật cho một bộ phận người lao động trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân, góp phần tích cực vào công tác giảm nghèo của huyện.

4. Kết quả thực hiện công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực, triển khai thực hiện các chương trình giải quyết việc làm và giảm nghèo:

- Công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực trong triển khai chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo được đẩy mạnh. UBND huyện đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn, giới thiệu tạo việc làm cho người lao động, đồng thời thực hiện có hiệu quả công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện các chương trình hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo:

+ *Công tác huy động nguồn vốn tín dụng chính sách*, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, giảm nghèo đạt kết quả tích cực, giai đoạn từ năm 2016-đến nay, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã huy động tiền gửi tiết kiệm và vay vốn với tổng số tiền là 99.621 triệu đồng; số dư hiện tại còn 19.680 triệu đồng; huy động tiền gửi tiết kiệm số tiền là 190.849 triệu đồng, số dư hiện tại là 37.526 triệu đồng số lượt hộ cho vay 20.945 hộ, doanh số cho vay 776.929 triệu đồng, trong đó số hộ cho vay vốn giải quyết việc làm là 685 hộ với số tiền là 31.264 triệu đồng. Số còn lại là số lượt hộ nghèo, số tiền cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Chính sách tín dụng đã góp phần cải thiện đời sống của người nghèo, giúp cho nhiều hộ thoát nghèo, đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của người dân trong sinh hoạt đời sống, góp phần ổn định trật tự xã hội và thúc đẩy kinh tế phát triển. Chính sách tín dụng đã góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tạo cơ hội cho học sinh nghèo vươn lên trong học tập, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, giảm tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

+ *Chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục*: Thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên nghèo (đã hỗ trợ học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách vùng đặc biệt khó khăn từ năm 2016 đến tháng 12 năm 2020: 20.019,352 triệu đồng với 56.437 lượt đối tượng).

Việc hỗ trợ chi phí học tập đã giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có điều kiện học tập tốt. Mặt khác, các gia đình tiết kiệm được chi phí học tập của con em, đầu tư vào sản xuất, vươn lên thoát nghèo

+ *Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề*: Người nghèo được thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giáo dục và dạy nghề, học sinh thuộc vùng đặc biệt khó khăn tham gia học nghề tại các trường nghề được giảm chi phí học tập, 100% người lao động là người nghèo có nhu cầu học nghề tại huyện tham gia học các lớp học nghề được miễn chi phí học tập và được hỗ trợ tiền ăn trưa, được hỗ trợ chi phí đi lại.

+ *Chính sách về Y tế:* Hệ thống y tế được củng cố, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Tính đến hết năm 2020 các xã, thị trấn đều đạt tiêu chí quốc gia về Y tế, đạt 100% kế hoạch.

Trong 5 năm (2016 - 2020) rà soát và cấp thẻ cho đối tượng nghèo, cận nghèo, dân tộc, người sống trong vùng 135: 102.220 lượt thẻ BHYT; trong đó, người nghèo 33.520 thẻ, cận nghèo 28.759 thẻ, người dân tộc 1.937 thẻ, người dân sống trong vùng đặc biệt khó khăn 38.004 thẻ (tổng số tiền hỗ trợ người nghèo mua thẻ BHYT từ năm 2016 đến tháng 12 năm 2020: 23.119 triệu đồng). Hiện nay, 100% người nghèo, cận nghèo, người dân tộc, đối tượng Bảo trợ xã hội có thẻ BHYT, góp phần nâng tỷ lệ bao phủ BHYT toàn huyện tính đến tháng 12/2020 đạt 90,5%.

2.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện và hiệu quả quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ giải quyết việc làm và giảm nghèo trên địa bàn:

Việc nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện và hiệu quả quản lý Nhà nước đối với nhiệm vụ giải quyết việc làm và giảm nghèo được UBND huyện quan tâm chỉ đạo. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ công chức (CBCC), viên chức; Qua các lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên rõ rệt; chất lượng, hiệu quả công tác ngày càng nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu đề ra. Qua các lớp tập huấn giúp các cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở nắm bắt được tình hình, tiếp nhận được phản hồi của nhân dân về những khó khăn tồn tại, những kiến nghị đề xuất của người dân trong việc thực hiện chính sách giải quyết việc làm, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả công tác tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo trên địa bàn huyện.

6. Kết quả thực hiện việc phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết việc làm và giảm nghèo:

Giai đoạn 2016-2020 công tác giải quyết việc làm và giảm nghèo đã được các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Sự phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có sự chuyên biến tích cực, đem lại hiệu quả thiết thực.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã chủ động, tích cực phối hợp làm tốt công tác vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng các cuộc vận động do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phát động; các phong trào thi đua yêu nước với các nội dung cụ thể được gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị và việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” tạo được sự đồng tình hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - Xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở ngày càng vững mạnh.

Từ năm 2016 - 2020, “*Quỹ vì người nghèo huyện*” đã vận động được 4.556,175 triệu đồng (trong đó: vận động từ Quỹ cấp huyện: 2.560,66 triệu đồng, vận động từ Quỹ cấp xã: 1.995,515 triệu đồng). Xóa nhà tạm cho người có công, người nghèo trên địa bàn huyện được 394 nhà, trị giá 3.352,8 triệu đồng; hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó; hỗ trợ tết người nghèo và hỗ trợ đời sống cho người nghèo bị ảnh hưởng của thiên tai... Ngoài ra Hội Doanh nghiệp huyện ủng hộ để xóa 18 nhà tạm với số tiền 850 triệu đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung

- Cùng với sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND, sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể của UBND huyện và sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể; Ban chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững của huyện đã làm tốt công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Chương trình. Các chỉ tiêu cơ bản về giải quyết việc làm, giảm nghèo đều đạt và vượt kế hoạch. Kết quả thực hiện đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Đối với công tác giải quyết việc làm: Nhận thức của cấp ủy, chính quyền và của người dân được nâng lên; hiệu quả của công tác giải quyết việc làm có chuyển biến rõ nét. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đều tăng theo hàng năm. Các mục tiêu về giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn đều đạt và vượt kế hoạch.

- Đối với công tác giảm nghèo bền vững: Được Huyện ủy, HĐND và UBND xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện hàng năm và đưa vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện trong các nhiệm kỳ làm mục tiêu phấn đấu thực hiện các chính sách cho hộ nghèo, cận nghèo. Các chương trình, chính sách hỗ trợ người nghèo được quan tâm thực hiện đạt kết quả. Công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực phục vụ cho nhiệm vụ giảm nghèo đã được thực hiện tích cực, góp phần đáng kể vào việc giảm nghèo trên địa bàn huyện.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác xây dựng kế hoạch, báo cáo đánh giá tiến độ thực hiện một số chương trình chất lượng chưa cao, nội dung thiếu cụ thể. Năng lực quản lý và tổ chức thực hiện của một số chủ đầu tư, chủ dự án còn hạn chế, nhất là cấp xã;

- Tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn cao, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khoảng cách cao.

- Việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tiến độ thực hiện theo quy định chưa nghiêm, nội dung báo cáo chưa đầy đủ; vẫn còn tình trạng đề nghị điều chỉnh, bổ sung thay đổi danh mục, quy mô công trình; hình thức tổ chức tự quản lý, khai thác sử dụng các công trình sau đầu tư của cộng đồng còn yếu, nguồn duy tu, bảo dưỡng từ ngân sách nhà nước khó khăn.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình; thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, còn hình thức, đối phó; một số hộ nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỉ lại.

3. Nguyên nhân:

** Nguyên nhân khách quan:*

- Chính sách của Nhà nước về giảm nghèo còn dàn trải, một số chính sách hỗ trợ thấp, chưa phát huy hiệu quả. Mặt khác, một số chính sách chậm được hướng dẫn, sửa đổi gây khó khăn cho cơ sở, việc thực hiện nguồn lực đầu tư chưa đủ mạnh, mức đầu tư thấp, do vậy, một số chương trình phát huy hiệu quả chưa cao.

- Hệ thống văn bản, chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo còn nhiều, thường xuyên thay đổi; công tác tuyên truyền, vận động có lúc chưa được thực hiện đúng mức.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Cấp ủy chính quyền một số cơ sở chưa thực sự vào cuộc quyết liệt đối với nhiệm vụ giải quyết việc làm và giảm nghèo trên địa bàn.

- Một bộ phận người dân còn có tư tưởng chông chờ, ỷ nại, dựa vào hỗ trợ của Nhà nước, không chủ động, nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo còn kiêm nhiệm, thiếu ổn định; trình độ, năng lực không đồng đều, công tác tham mưu đề xuất chưa kịp thời, chất lượng không cao.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống. Góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIX đề ra.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Bảo đảm 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách từ các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững của Trung ương và của tỉnh về hỗ trợ giáo dục, y tế, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

- Tập trung các nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững, tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2022 -

2025 trên địa bàn huyện, thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, nhằm góp phần thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 0,7% đến 1%/năm, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 0,5 đến 1%/năm. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm xuống dưới 5% (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên phạm vi toàn huyện, trọng tâm là các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

2. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: Đến hết năm 2025.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi địa bàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác; xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật

nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan để tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi địa bàn huyện;

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

c) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.2 Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Đối tượng:

Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

b) Nội dung hỗ trợ:

Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

c) Phân công thực hiện: Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1 Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

a) Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;
- Các phòng, ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của tiểu dự án.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: định mức kinh tế - kỹ thuật; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển chương trình, học liệu.
- Hỗ trợ khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề;
- Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

b) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;
- Hỗ trợ giao dịch việc làm;
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;
- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1 Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;
- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã.
- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có tỷ lệ hộ nghèo cao). Trên cơ

sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

c) Phân công thực hiện: Phòng Văn hoá và Thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Đối tượng:

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với phòng Văn hoá và Thông tin và các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a. Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

b. Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Lòng ghép kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, và các chương trình dự án khác trên địa bàn huyện.

3. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương và địa phương.

4. Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

2. Thực hiện đúng tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

3. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

4. Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

VI. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN

1. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

2. Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình.

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì, tổng hợp, cân đối, thẩm định nguồn vốn đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn huyện theo tiến độ và kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

Phối hợp với các phòng, ban, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện bố trí vốn thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của huyện; Phối hợp, hướng dẫn, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định.

4. Các phòng, ban, ngành có liên quan: Các phòng, ngành có liên quan đến các tiêu chí hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin), xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể hỗ trợ địa phương (cấp xã) giảm tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc ngành phụ trách theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững từng năm và giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch giảm nghèo cụ thể; thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về Chương trình giảm nghèo; Phổ biến các cơ chế chính sách, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện về Chương trình giảm nghèo đến toàn thể cán bộ và nhân dân.

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảm nghèo tại địa phương. Quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực Chương trình.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kịp thời đầy đủ kết quả thực hiện chương trình trên địa bàn xã.

- Triển khai đầy đủ các chương trình, dự án, chính sách đầu tư hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Phân công các thành viên trong Ban chỉ đạo, các đoàn thể tập trung giúp đỡ các hộ nghèo.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về UBND huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Sở LĐTBXH (B/c);
- CT; các PCT UBND huyện;
- MTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện;
- Công an huyện;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Việt Dũng

